

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 01 – 2024.

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hiến.

- Ông Nguyễn Ngọc Chân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu** tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 152/2023/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐST – HNGĐ ngày 27/12/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Kim P, sinh năm 1989. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn M, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2023 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh M tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là UBND phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên) vào ngày 12/01/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M đi làm nhưng không đưa tiền cho chị P để lo cho gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh M đánh chị P, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 9/2023 đến nay. Vào chiều ngày 07/10/2023, anh M đánh chị P gây thương tích và bị Công an phường X xử phạt vi phạm hành chính. Chị P xác định hiện nay không còn tình cảm và không thể tiếp tục sống chung với anh M nên chị P yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung: chị P và anh M có 02 con chung tên Trần Phạm Gia M1, sinh ngày 07/4/2009 và Trần Phi P1, sinh ngày 13/02/2016, các con đang sống với chị P, chị P yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.*

Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng không được.

Tại phiên tòa:

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh M. Về con chung: Giao 02 con chung: Trần Phạm Gia M1, sinh ngày 07/4/2009 và Trần Phi P1, sinh ngày 13/02/2016 cho chị P nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Phạm Thị Kim P yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung đối với anh Trần Văn M có nơi cư trú tại khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự,

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim P có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt (BL 41). Bị đơn anh Nguyễn Văn M2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị P và anh M2 có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn S, huyện S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2009 ngày 12/01/2009 (BL 05) (nay là UBND phường X, thị xã S), đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị P có yêu cầu ly hôn với anh M2.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo chị P trình bày: Sau khi chị P và anh M2 kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M2 đi làm không đưa tiền cho chị P để lo cho gia đình, sống không quan tâm tới vợ, con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí anh M2 đánh chị P, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 9/2023 đến nay. Chị P xác định hiện nay không còn tình cảm và không thể quay lại để tiếp tục sống chung với anh M2.

Tại biên bản xác minh ngày 26/10/2023, Công an phường X cung cấp (BL33): vợ chồng chị P, anh M2 thường xuyên cãi vã to tiếng với nhau, đỉnh điểm anh M2 có hành vi bạo lực gia đình với chị P tại phường X, công an phường X thụ lý hồ sơ.

Tại biên bản xác minh ngày 26/10/2023, Công an Phường X (BL 32) cung cấp: “Vào ngày 08/10/2023, anh M2 có dùng tay phải đánh vào mặt chị P, làm chị P té ngã trúng vào cửa tôn và làm rách da chảy máu ở phần sau đuôi lông mày bên trái”, anh M2 bị Chủ tịch UBND thị xã S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi nêu trên (BL 29).

Quá trình giải quyết vụ án, anh M2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, chứng tỏ anh M2 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, thể hiện anh M2 không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị P và không đưa ra được biện pháp khắc phục tình trạng mâu thuẫn hiện nay của vợ chồng.

Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị P và anh M2 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh M2 có căn cứ.

[2.2] Về con chung: chị P và anh M2 có 02 con chung tên Trần Phạm Gia M1, sinh ngày 07/4/2009 và Trần Phi P1, sinh ngày 13/02/2016, hiện do chị P nuôi dưỡng.

HĐXX xét thấy: chị P có yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh M2 cấp dưỡng nuôi con. Các con chung của chị P và anh M2 đã trên 7 tuổi, đều có nguyện vọng ở với chị P (BL19+20), nên chấp nhận yêu cầu của chị P.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị P không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Kim P.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Kim P đối với anh Trần Văn M.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Trần Phạm Gia M1, sinh ngày 07/4/2009 (giới tính: nam) và Trần Phi P1, sinh ngày 13/02/2016 (giới tính: nữ) cho chị P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Kim P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị P nộp trước tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008597 ngày 25/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên(1)
- VKSND TX. Sông Cầu (2)
- THADS TX. Sông Cầu (1)
- Các đương sự (2)
- UBND phường Xuân Yên, TX. Sông Cầu (Giấy CNKH: 04, quyển số: 01/2009 ngày 12/01/2009)
- Lưu hồ sơ (2);
- Ấn Văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Chấn Nguyễn Văn Hiến

Trần Thị Ngọc Hà

